**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ THÀNH VIÊN**

***Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024***

# QUỸ ĐẦU TƯ CƠ HỘI PAVO

# MỤC LỤC

----- oOo -----


| | | Trang |
|---|---|---|
| 1. | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 01-02 |
| 2. | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 03 |
| 3. | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 04-09 |
| 4. | BÁO CÁO TÀI SẢN | 10 |
| 5. | BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG | 11 |
| 6. | BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ | 12 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL**

***QUỸ ĐẦU TƯ CƠ HỘI PAVO***

**Mẫu số B 01-QĐT**

*Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC*
*ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|---|---|---|---|
| 1. Tiền gửi ngân hàng | 110 | | 18,028,036,638 | 1,805,388,292 |
| 2. Đầu tư chứng khoán | 120 | | - | 26,135,603,700 |
| 3. Đầu tư khác | 121 | | 33,207,432,000 | 27,036,907,000 |
| 4. Phải thu hoạt động đầu tư | 130 | | | |
| 5. Phải thu khác | 131 | | - | 10,171,233 |
| **TỔNG TÀI SẢN** | **200** | | **51,235,468,638** | **54,988,070,225** |

| NGUỒN VỐN | Mã số | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|---|---|---|
| **I. NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | **80,094,243** | **141,246,648** |
| 1. Vay ngắn hạn | 310 | | |
| 2. Phải trả hoạt động đầu tư | 311 | | |
| 3. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư | 312 | | |
| 4. Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ | 314 | | |
| 5. Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, NH giám sát | 315 | 80,094,243 | 141,246,648 |
| 6. Phải trả khác | 318 | - | |
| **II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | **51,155,374,395** | **54,846,823,577** |
| 1. Vốn góp của các nhà đầu tư | 410 | 51,000,000,000 | 51,000,000,000 |
| 1.1 Vốn góp | 411 | 51,000,000,000 | 51,000,000,000 |
| 1.2 Thặng dư vốn | 412 | | |
| 2. Kết quả hoạt động chưa phân phối | 420 | 155,374,395 | 3,846,823,577 |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **430** | **51,235,468,638** | **54,988,070,225** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|---|---|---|
| 1. Nợ khó đòi đã xử lý | | | |
| 2. Ngoại tệ các loại | | | |
| 3. Chứng khoán theo mệnh giá | | 31,672,860,000 | 30,512,740,000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102745594
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-01-20 17:48:46
Foxit Reader Version: 9.1.0

| | |
|---|---|
| **Trần Hải Sơn** | **Lê Minh Nam** |
| **Người lập và Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

**Mẫu số B 02-QĐT**

*Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

*Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024 | | Năm 2023 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Quý 4 | Lũy kế từ đầu năm đến 31.12.2024 | Quý 4 | Lũy kế từ đầu năm đến 31.12.2023 |
| **A** | **XÁC ĐỊNH KQHĐ ĐÃ THỰC HIỆN** | | | | | | |
| **I.** | **Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện** | **10** | | **(3,996,983,571)** | **117,706,766** | **92,188,845** | **2,112,760,888** |
| 1. | Cổ tức được nhận | 11 | VII.1 | - | 1,141,850,814 | | 791,965,000 |
| 2. | Lãi trái phiếu được nhận | 12 | | | | | |
| 3. | Lãi tiền gửi | 13 | VII.2 | 820,829 | 10,956,082 | 92,188,845 | 848,645,888 |
| 4. | Thu nhập bán chứng khoán | 14 | VII.3 | (3,997,804,400) | (1,035,100,130) | | 472,150,000 |
| 5. | Thu nhập khác | 18 | | | | | |
| **II.** | **Chi phí** | **30** | | **290,495,548** | **1,051,273,848** | **259,641,668** | **1,023,819,411** |
| 1. | Phí quản lý quỹ | 31 | VII.4 | 196,779,040 | 744,314,397 | 183,470,614 | 747,609,325 |
| 2. | Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ | 32 | VII.4 | 51,221,081 | 209,629,211 | 47,451,059 | 194,869,642 |
| 3. | Chi phí họp, đại hội | 33 | | | | | |
| 4. | Chi phí kiểm toán | 34 | VII.4 | - | 37,800,000 | 18,900,000 | 18,900,000 |
| 5. | Chi phí tư vấn định giá | 35 | | | | | |
| 6. | Phí và chi phí khác | 38 | VII.4 | 42,495,427 | 59,530,240 | 9,819,995 | 62,440,444 |
| **III.** | **Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ** | **50** | | **(4,287,479,119)** | **(933,567,082)** | **(167,452,823)** | **1,088,941,477** |
| **B** | **XÁC ĐỊNH KQHĐ CHƯA THỰC HIỆN** | | | | | | |
| **I.** | **Thu nhập** | **60** | | **5,729,052,250** | **-** | **7,190,265,600** | **2,757,882,100** |
| 1. | Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán | 61 | | 5,729,052,250 | | 7,190,265,600 | 2,757,882,100 |
| 10. | Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuố | 62 | | | | | |
| **II.** | **Chi phí** | **70** | | **-** | **2,757,882,100** | **-** | **-** |
| 1. | Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư | 71 | VII.5 | | 2,757,882,100 | | |
| 11. | Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ | 72 | | | | | |
| **III.** | **Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ** | **80** | | **5,729,052,250** | **(2,757,882,100)** | **7,190,265,600** | **2,757,882,100** |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102745594
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-01-20 17:53:30
Foxit Reader Version: 9.1.0

**Trần Hải Sơn**
**Người lập và Kế toán trưởng**

**Lê Minh Nam**
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

# BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

*Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1. Thông tin về quỹ

Quỹ đầu tư Cơ Hội Pavo (gọi tắt là "Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 73/GNC-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2022 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

**Tên tiếng anh:** Pavo Opportunity Investment Fund.

**Tên viết tắt:** POIF.

**Thời gian hoạt động của quỹ:** 10 năm kể từ ngày thành lập quỹ.

**Trụ sở chính:** Tầng 5, số 14-16-18 Chu Mạnh Trinh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

**Ngân hàng lưu ký**

Ngân hàng lưu ký của Quỹ cho năm tài chính là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Pavo Capital (gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ") được thành lập theo Giấy phép số 34/UBCK-GP ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu và các giấy phép điều chỉnh sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 11/3/2013 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính;
- Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 25/4/2015 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 31/7/2017 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/11/2017 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi tên công ty và địa chỉ trụ sở chính;
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK ngày 20/8/2018 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 03/7/2020 của UBCK Nhà nước về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 01/10/2020 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa điểm trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 15/6/2022 của UBCK Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Pavo Capital là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

**2. Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**

**Quy mô vốn**

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.100.000 chứng chỉ với tổng giá trị là 51.000.000.000 đồng, chiếm 100% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.100.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ.

**Mục tiêu đầu tư**

Quỹ hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

**Chiến lược đầu tư**

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định, cổ tức duy trì đều đặn trong trung – dài hạn, đội ngũ lãnh đạo có tâm huyết với công ty để mang lại lợi nhuận kỳ vọng tăng trưởng ổn định cho nhà đầu tư của Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoản thời gian nhất định.

**Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày định giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo, không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán hằng năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ thành viên được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

# BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

*Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

**1. Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo Quyết định 63, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. *Bảng cân đối kế toán*
2. *Báo cáo kết quả hoạt động*
3. *Báo cáo tài sản*
4. *Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng*
5. *Báo cáo danh mục đầu tư*
6. *Bản thuyết minh báo cáo tài chính*

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư chứng khoán: Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư chứng khoán khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Khoản đầu tư chứng khoán được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán đầu tư.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

• *Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);*

• *Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.*

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tiền lãi và cổ tức của chứng khoán kinh doanh được ghi nhận doanh thu tài chính.

Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư: Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ đầu tư chứng khoán. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

Giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ của khoản đầu tư dài hạn vào đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa sổ theo giá thị trường có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty chưa đại chúng, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định trình bày giá trị hợp lý bằng giá trị sổ sách dựa theo phương pháp giá gốc.

**2. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động.

**3. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi yà trái phiếu được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu và lãi phát sinh thực tế được trả về tài khoản trừ khi khả năng thu lãi là không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức bằng tiền và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Quỹ được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào báo cáo thu nhập, tuy nhiên vẫn được cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

**4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

*Giá dịch vụ quản lý*

Giá dịch vụ quản lý là 1,5%/ năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hằng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.
Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:
Giá dịch vụ quản lý = 1,5% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ giám sát và lưu ký*

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng lưu ký, giám sát để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được tính vào mỗi kỳ định giá đựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá.
Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được xác định như sau:
Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).
Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 15.000.000 VND/ tháng chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có).

# BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

*Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

## V. THÔNG TIN CHUNG

**Quy mô Quỹ tại ngày báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 51.000.000.000 VND, tương đương với 5.100.000.000 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là 47.570.942.382 VND.

## VI. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

| Chỉ tiêu | Quý 4.2024 |
|---|---|
| **Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư** | |
| 1. Tỷ lệ các loại chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | 64.81% |
| 2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | 64.81% |
| 3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | 0.00% |
| 4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | 64.81% |
| 5. Tỷ lệ các loại trái phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | - |
| 6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | - |
| 7. Tỷ lệ tiền gửi NH trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | 35.19% |
| 8. Tỷ lệ bất động sản trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | - |
| 9. Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | -7.80% |
| 10. Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ | 0.57% |
| **Các chỉ số thị trường** | |
| 1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm | 5,100,000 |
| 2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty quản lý quỹ cuối năm | 18% |
| 3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm | 100% |
| 4. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài | - |
| 5. Tỷ lệ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm | - |
| 6. Giá trị đơn vị quỹ cuối năm | 10,030.47 |

## VII. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

| **1. Cổ tức được nhận** | **Quý 4.2024** | **Quý 4.2023** |
|---|---|---|
| Cổ tức được nhận | - | - |
| **Cộng** | - | - |

| **2. Lãi tiền gửi** | **Quý 4.2024** | **Quý 4.2023** |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi | 820,829 | 92,188,845 |
| **Cộng** | **820,829** | **92,188,845** |

# BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

*Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

**3. Thu nhập bán chứng khoán**

| Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán | Tổng giá trị bán | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay |
|---|---|---|---|---|
| Cổ phiếu không niêm yết | | | | |
| Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh | 1,176,823 | 17,559,517,200 | 21,557,321,600 | (3,997,804,400) |
| **Cộng** | | **17,559,517,200** | **21,557,321,600** | **(3,997,804,400)** |

| **4. Chi phí** | **Quý 4.2024** | **Quý 4.2023** |
|---|---|---|
| Phí quản lý quỹ | 196,779,040 | 183,470,614 |
| Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ | 51,221,081 | 47,451,059 |
| Phí kiểm toán | - | 18,900,000 |
| Phí và chi phí khác | 42,495,427 | 9,819,995 |
| **Cộng** | **290,495,548** | **259,641,668** |

| **5. Chênh lệch lãi/ lỗ đánh giá các khoản đầu tư** | **Quý 4.2024** | **Quý 4.2023** |
|---|---|---|
| Chênh lệch lãi đánh giá các khoản đầu tư | 5,729,052,250 | 7,190,265,600 |
| **Cộng** | **5,729,052,250** | **7,190,265,600** |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102745594
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-01-20 17:54:33
Foxit Reader Version: 9.1.0

| | |
|---|---|
| **Trần Hải Sơn** | **Lê Minh Nam** |
| **Người lập và Kế toán trưởng** | **Tổng Giám đốc** |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL**

***QUỸ ĐẦU TƯ CƠ HỘI PAVO***

**Mẫu số B 05-QĐT**

*Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC*
*ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính*

# BÁO CÁO TÀI SẢN

*Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| TÀI SẢN | Kỳ báo cáo (Quý 4.2024) | Kỳ trước (Quý 3.2024) | %/cùng kỳ năm trước (Quý 4.2023) |
|---|---|---|---|
| 1. Tiền | 18,028,036,638 | 754,667,150 | 898.57% |
| 2. Các khoản đầu tư | 33,207,432,000 | 49,035,701,350 | -37.55% |
| 2.1 Trái phiếu | | | |
| 2.2 Cổ phiếu | 33,207,432,000 | 49,035,701,350 | |
| Cổ phiếu niêm yết | - | 15,828,269,350 | |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 33,207,432,000 | 33,207,432,000 | |
| 3. Cổ tức được nhận | | | |
| 4. Lãi được nhận | | | |
| 5. Tiền bán chứng khoán phải thu | | | |
| 6. Các khoản phải thu khác | - | - | |
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | - | - | |
| 7. Các tài sản khác | | | |
| **TỔNG TÀI SẢN** | **51,235,468,638** | **49,790,368,500** | **-6.82%** |
| **NỢ** | | | |
| 8. Tiền phải thanh toán mua chứng khoán | | | |
| 9. Các khoản phải trả khác | 80,094,243 | 76,567,236 | -43.29% |
| Phí quản lý quỹ phải trả | 65,094,243 | 61,217,236 | -48.44% |
| Phải trả phí lưu ký ngân hàng lưu ký | 15,000,000 | 15,000,000 | 0.00% |
| Phải trả phí kiểm toán | - | - | |
| Phải trả khác | - | 350,000 | |
| **TỔNG NỢ** | **80,094,243** | **76,567,236** | **-69.25%** |
| Giá trị tài sản ròng của quỹ | 51,155,374,395 | 49,713,801,264 | -6.73% |
| 10. Tổng số đơn vị quỹ | 5,100,000 | 5,100,000 | 0.00% |
| 11. Giá trị của một đơn vị quỹ | 10,030.47 | 9,747.80 | -6.73% |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102745594
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-01-20 17:54:55
Foxit Reader Version: 9.1.0

**Trần Hải Sơn**
**Người lập và Kế toán trưởng**

**Lê Minh Nam**
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL**

***QUỸ ĐẦU TƯ CƠ HỘI PAVO***

**Mẫu số B 06-QĐT**

*Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC*
*ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính*

# BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

*Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| | CHỈ TIÊU | Kỳ báo cáo | Kỳ báo cáo của năm trước |
|---|---|---|---|
| **I.** | **Giá trị tài sản ròng đầu kỳ** | **49,713,801,264** | **47,824,010,800** |
| **II.** | **Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ** | **1,441,573,131** | **7,022,812,777** |
| | Trong đó: | | |
| 1. | Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ | 1,441,573,131 | 7,022,812,777 |
| 2. | Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ | | |
| **III.** | **Giá trị tài sản ròng cuối kỳ** | **51,155,374,395** | **54,846,823,577** |

-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102745594
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-01-20 17:55:39
Foxit Reader Version: 9.1.0

**Trần Hải Sơn**
**Người lập và Kế toán trưởng**

**Lê Minh Nam**
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PAVO CAPITAL**

***QUỸ ĐẦU TƯ CƠ HỘI PAVO***

**Mẫu số B 06-QĐT**
*Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính*

# BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

*Cho kỳ báo cáo Quý 4 Năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024* *Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| Loại | Số lượng | Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo | Tổng giá trị (Đồng) | Tỷ lệ (%) Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ |
|---|---|---|---|---|
| **I. Cổ phiếu niêm yết** | **0** | | **-** | **0.00%** |
| | | | - | 0.00% |
| **II. Cổ phiếu không niêm yết** | **3,167,286** | | **33,207,432,000** | **64.81%** |
| Cổ phần Công ty Cổ phần New Pine Multimedia Technologies | 3,167,286 | 10,484.51 | 33,207,432,000 | 64.81% |
| **III. Trái phiếu** | | | | |
| **IV. Các loại chứng khoán khác** | | | | |
| **V. Các tài sản khác** | | | **-** | **0.00%** |
| Phải thu lãi tiền gửi | | | | 0.00% |
| **VI. Tiền** | | | **18,028,036,638** | **35.19%** |
| Tiền, tương đương tiền | | | 18,028,036,638 | 35.19% |
| Tiền gửi ngân hàng | | | | 0.00% |
| **VII. Tổng giá trị danh mục** | | | **51,235,468,638** | **100%** |
| | | | - | |

**Trần Hải Sơn**
**Người lập và Kế toán trưởng**

**Lê Minh Nam**
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 01 năm 2025